

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2023/DS-PT

Ngày: 26-12-2023

Về việc “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân

bà Trần Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 705/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; địa chỉ: số 442, đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Đinh Thị H, sinh năm: 1979 – Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A, đường C, Phường M1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền ngày 09/9/2022).

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm: 1991; địa chỉ: số 149B/4, ấp M1, xã D, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm: 1985; địa chỉ: số 333/57 khu phố H1, thị trấn T1, huyện C, tỉnh Long An (Theo giấy ủy quyền ngày 04/8/2023).

- *Người kháng cáo:* bị đơn, ông Nguyễn Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2022 và quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng A do bà Đinh Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc C vay số tiền 3.200.000.000 đồng của Ngân hàng A, theo hợp đồng tín dụng số OIK.CN.2271.100920 ngày 14 tháng 9 năm 2020, thời hạn vay là 6 tháng. Ngân hàng A đã giải ngân cho ông C, lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm, theo 02 khế ước nhận nợ số 343252669 và khế ước nhận nợ số 343249769 cùng ngày 10 tháng 9 năm 2021. Đồng thời, giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Ngọc C còn thỏa thuận là Ngân hàng A cấp cho ông Nguyễn Ngọc C hai thẻ tín dụng: một thẻ số 4365 9910 0053 2631 với hạn mức số tiền được vay là 50.000.000 đồng và một thẻ số 4365 9990 0022 9041 với hạn mức số tiền được vay là 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 27%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản vay, ông C đã thế chấp cho Ngân hàng A 02 thửa đất số 433 và 455 cùng tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại xã D do ông Nguyễn Ngọc C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.

Trong quá trình vay, ông Nguyễn Ngọc C vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Ngọc C trả cho Ngân hàng A số tiền cụ thể như sau:

+ Đối với khế ước nhận nợ số 343252669 và khế ước nhận nợ số 343249769, Ngân hàng A yêu cầu ông C trả tiền vay tính từ ngày giải ngân đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng cộng số tiền là 3.966.451.202 đồng, trong đó tiền gốc là 3.200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 94.290.411 đồng, tiền lãi quá hạn là 633.415.890 đồng, tiền phạt chậm trả lãi là 38.744.901 đồng.

+ Đối với thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng: buộc ông C trả tiền gốc là 41.993.662 đồng; lãi trong hạn của số tiền nợ gốc là 6.620.396 đồng; lãi quá hạn của số tiền nợ gốc là 33.095.019 đồng (thời gian tính lãi quá hạn từ ngày 20 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, tiền gốc tính lãi quá hạn là 41.993.662 đồng, mức lãi quá hạn là 40,5%/năm). Ngoài ra, ông C phải có nghĩa vụ trả lãi phát sinh của số tiền nợ gốc từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến khi trả hết nợ.

+ Đối với thẻ tín dụng hạn mức 250.000.000 đồng: buộc ông C trả tiền nợ gốc là 243.821.405 đồng; tiền lãi trong hạn của số tiền nợ gốc là 32.086.950 đồng, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc là 192.086.208 đồng, (thời gian tính lãi quá hạn từ ngày 20 tháng 7 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, tiền gốc tính lãi quá hạn là 243.821.405 đồng, mức lãi quá hạn là 40,5%/năm). Ngoài ra, ông C phải có nghĩa vụ trả lãi phát sinh của số tiền nợ gốc từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến khi trả hết nợ.

Nếu ông Nguyễn Ngọc C không trả xong toàn bộ số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng A phát mãi tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu về việc buộc ông Nguyễn Ngọc C trả tiền vay.

Buộc ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu tổng số tiền là 4.516.154.842 đồng (bốn tỷ năm trăm mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), trong đó:

+ Khế ước nhận nợ số 343252669 và khế ước nhận nợ số 343249769, trả tổng số tiền gốc là 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 94.290.411 đồng (chín mươi bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng), tiền lãi quá hạn là 633.415.890 đồng (sáu trăm ba mươi ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng), tiền phạt chậm trả lãi là 38.744.901 đồng (ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm lẻ một đồng). Buộc ông C phải có nghĩa vụ trả các khoản lãi, phạt lãi phát sinh theo Khế ước nhận nợ số 343252669 và khế ước nhận nợ số 343249769 đã ký hết giữa ông Nguyễn Ngọc C với Ngân hàng, thời gian tính lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến khi ông C thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

+ Thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), trả số tiền gốc là 41.993.662 đồng (bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng); lãi trong hạn là 6.620.396 đồng (sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng); lãi quá hạn là 33.095.019 đồng (ba mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn không trăm mười chín đồng). Buộc ông C phải có nghĩa vụ trả các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký kết giữa ông Nguyễn Ngọc C với Ngân hàng khi mở thẻ, thời gian tính lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến khi ông C thanh toán xong nợ.

+ Thẻ tín dụng hạn mức 250.000.000 đồng (hai trăm năm triệu đồng): Số tiền gốc là 243.821.405 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu tám trăm hai mươi một nghìn bốn trăm lẻ năm đồng); tiền lãi trong hạn là 32.086.950 đồng (ba mươi hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi đồng), lãi quá hạn là 192.086.208 đồng (một trăm chín mươi hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm lẻ tám đồng) và ông C phải có nghĩa vụ trả các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký kết giữa ông Nguyễn Ngọc C với Ngân hàng khi mở thẻ, thời gian tính lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến khi ông C thanh toán xong nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án toàn bộ số tiền mà ông C còn nợ Ngân hàng.

Khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Ngọc C không thực hiện trả tiền hoặc trả tiền nhưng không trả hết số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là các thửa số 433 và 455 cùng tờ bản đồ số 17 và các tài sản gắn liền với các thửa đất nêu trên, các thửa đất số 433 và 455

tọa lạc tại xã D, huyện C, tỉnh Long An do ông Nguyễn Ngọc C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thi hành án.”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2023, bị đơn ông Nguyễn Ngọc C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Huỳnh Thị Kim N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Đinh Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Ngân hàng A đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo: kháng cáo của ông C là không có căn cứ để được chấp nhận, đề nghị bác kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn, ông Nguyễn Ngọc C thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, Ngân hàng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, ông Nguyễn Ngọc C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: ông Nguyễn Ngọc C và người đại diện theo ủy quyền của ông C là bà Huỳnh Thị Kim N vắng mặt, nhưng việc vắng mặt này thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[4] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Nguyễn Ngọc C chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tuyên buộc trách nhiệm trả tiền phạt chậm trả lãi theo khế ước số 343252669 và khế ước số 343249769 là 38.744.901 đồng. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

[5] Hồ sơ vụ án thể hiện: tại điểm 4.9.1 khoản 4.9 Điều 4 của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số OIK.CN.2740.100920 ngày 14/9/2020, giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Ngọc C đã thỏa thuận: “Phạt vi

phạm do chậm trả lãi: Khi bên được cấp tín dụng không thanh toán lãi đúng hạn thì Bên được cấp tín dụng phải chịu phạt chậm trả lãi tính bằng (=) số tiền lãi chậm trả nhân với (x) Lãi suất phạt (%/năm) nhân với (x) số ngày chậm trả chia cho đến hết ngày Bên được cấp tín dụng trả hết phần lãi bị thanh toán trễ hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi được quy định cụ thể trong Hợp đồng cấp tín dụng.”

[6] Tại khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng số OIK.CN.2271.100920 ngày 14/9/2020; điểm 2.2.3 khoản 2.2 Điều 2 của Khế ước nhận nợ số 343252669 ngày 10/9/2021; điểm 2.2.3 khoản 2.2 Điều 2 của Khế ước nhận nợ số 343249769 ngày 10/9/2021, giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Ngọc C đã thỏa thuận “mức lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm.”

[7] Thỏa thuận nêu trên giữa ông C và Ngân hàng A phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông C.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, nên buộc ông Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí phúc thẩm.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2023/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An về buộc nghĩa vụ của ông Nguyễn Ngọc C phải trả tiền phạt chậm trả lãi cho Ngân hàng A tổng cộng là 38.744.901 đồng (*ba mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm lẻ một đồng*), theo khế ước số 343252669 và khế ước số 343249769 cùng ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa Ngân hàng A và ông Nguyễn Ngọc C.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc ông Nguyễn Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai số 0003659 ngày 20 tháng 9 năm 2023. Ông C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành

theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục